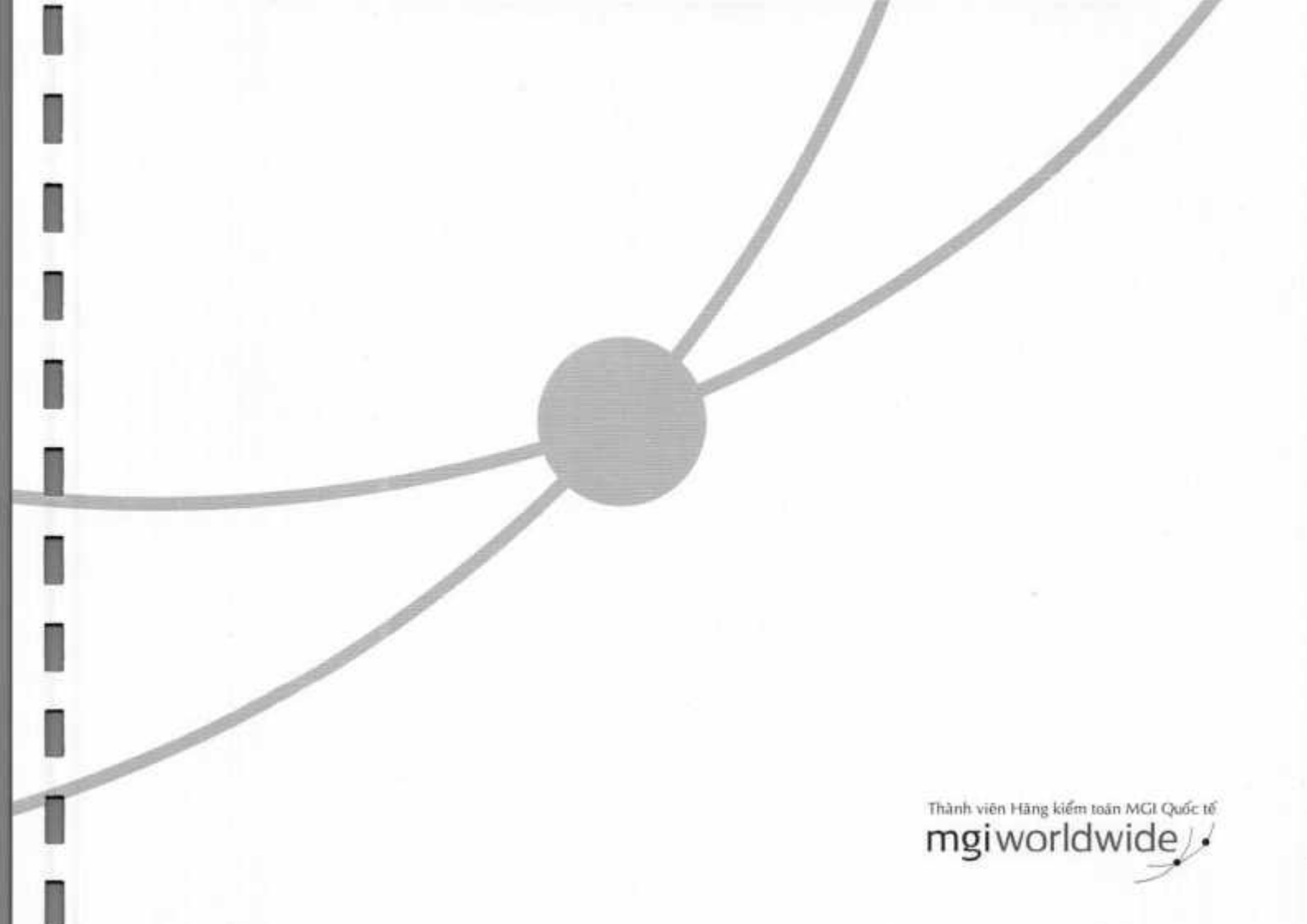




**Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited**



Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Minh Hoài	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Ủy viên
Bà Trương Thị Kim Oanh	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Võ Hoàng Anh	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Võ Văn Thi	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Duy Trục	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Trường Thanh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/10/2019)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH



Nguyễn Bảo Ngọc
Phó Tổng giám đốc
(Quyết định số 72 ngày 13/03/2017)
Quảng Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2020

Số: 495/BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 04 năm 2020 từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản nợ phải thu đã tồn đọng qua một số kỳ kế toán để xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Do đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của hai Công ty con là Công ty CP Du lịch Suối Bang Trường Thịnh và Công ty CP Trường Thịnh Golf & Resort được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này chưa được kiểm toán.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2020-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trần Thị Chúc

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3278-2020-126-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.976.484.603.518	1.761.191.957.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	59.691.293.525	88.666.753.764
1 Tiền	111		57.191.293.525	88.666.753.764
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3.	80.188.235.733	125.410.060.944
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.188.235.733	125.410.060.944
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.404.889.116.420	1.116.366.200.895
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	294.647.391.152	98.247.904.375
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	100.319.901.688	95.688.920.067
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.010.535.418.534	922.867.658.563
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(613.594.954)	(438.282.110)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	425.797.260.804	427.297.830.600
1 Hàng tồn kho	141		425.797.260.804	427.297.830.600
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.918.697.036	3.451.111.225
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	2.149.495.175	3.008.717.903
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.014.331.470	148.458.189
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15.	1.754.870.391	293.935.133
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.721.728.920.505	5.020.418.521.360
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		390.317.729	118.820.209.214
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	-	63.587.151.789
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.	-	54.912.809.817
3 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	390.317.729	320.247.608
II. Tài sản cố định	220		3.942.993.986.212	3.917.834.097.309
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	3.942.438.487.289	3.916.519.467.854
- Nguyên giá	222		4.964.201.392.801	4.778.436.250.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.021.762.905.512)	(861.916.782.162)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	555.498.923	1.314.629.455
- Nguyên giá	228		991.551.094	1.654.331.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(436.052.171)	(339.701.639)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9.	978.697.786.785	635.891.616.295
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	121.604.407.733
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		978.697.786.785	514.287.208.562
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	604.385.746.156	300.360.232.763
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		592.485.746.156	288.460.232.763
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		11.900.000.000	11.900.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		195.261.083.623	47.512.365.779
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	177.733.668.352	26.032.157.951
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		343.249.008	-
3 Lợi thế thương mại	269		17.184.166.263	21.480.207.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.698.213.524.023	6.781.610.478.788

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.885.404.310.648	5.056.776.048.240
I. Nợ ngắn hạn	310		2.100.198.224.433	1.694.228.185.814
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	200.790.028.358	234.816.754.527
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	1.525.941.597	152.547.266.765
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	3.799.968.563	20.210.519.308
4 Phải trả người lao động	314		9.525.298.999	8.572.408.412
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	151.475.532.477	102.264.441.144
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	74.343.197.406	63.966.498.140
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.	1.658.615.919.356	1.111.463.508.122
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		122.337.677	386.789.396
II. Nợ dài hạn	330		3.785.206.086.215	3.362.547.862.426
1 Phải trả dài hạn người bán	331	V.12.	267.918.532.172	131.818.700.969
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14.	343.085.011.250	213.563.963.776
3 Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16.	116.993.306.640	56.474.127.437
4 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	228.166.667.597	19.528.543.263
5 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	2.779.609.722.027	2.901.311.906.927
6 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		49.432.846.529	39.850.620.054
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.812.809.213.375	1.724.834.430.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	1.812.809.213.375	1.724.834.430.548
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.109.000.000.000	1.889.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.109.000.000.000	1.889.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		897.686.745	897.686.745
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(339.821.433.637)	(207.796.216.464)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(270.686.615.005)	(236.622.862.422)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(69.134.818.632)	28.826.645.958
4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.732.960.267	42.732.960.267
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.698.213.524.023	6.781.610.478.788

Quảng Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Phan Thị Hiền

Nguyễn Mạnh Hải



Nguyễn Bảo Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 02 - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.919.795.684.431	2.151.575.982.254
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.919.795.684.431	2.151.575.982.254
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.466.752.073.317	1.580.795.998.596
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		453.043.611.114	570.779.983.659
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.242.620.381	8.716.962.703
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	423.130.782.090	436.320.703.266
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		420.665.348.091	429.630.221.496
8 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		(125.136.306)	98.631.110
9 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	14.368.969.635	14.728.276.235
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	74.911.494.084	66.325.388.854
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(57.250.150.620)	62.221.209.117
12 Thu nhập khác	31	VI.5.	2.159.473.605	1.181.705.774
13 Chi phí khác	32	VI.6.	3.809.702.896	12.317.760.954
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.650.229.291)	(11.136.055.180)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(58.900.379.911)	51.085.153.937
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		891.916.934	15.025.511.450
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.8.	9.238.977.467	7.153.373.325
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(69.031.274.312)	28.906.269.162
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(69.031.274.312)	28.906.269.162
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	(350,91)	88,67

Quảng Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Phan Thị Hiền



Nguyễn Mạnh Hải



Nguyễn Bảo Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(58.900.379.911)	51.085.153.937
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		179.735.828.821	167.217.881.580
- Các khoản dự phòng	03		175.312.844	175.312.844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(639.192)	899.548
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.256.273.262)	220.387.941
- Chi phí lãi vay	06		420.665.348.091	429.630.221.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		510.419.197.391	648.329.857.346
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(172.134.210.165)	(418.065.119.230)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.500.569.796	(68.621.320.513)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		471.113.767.193	(4.494.188.622)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(21.695.702.901)	(7.132.252.073)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(352.998.771.053)	(444.904.704.272)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.191.200.188)	(320.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		700.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(706.763.000)	(720.045.339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		421.006.887.073	(295.927.772.703)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(809.446.079.872)	(90.636.160.787)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		12.519.368.638	3.615.454.549
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.950.000.000)	(14.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.542.674.645	16.462.700.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(302.630.649.700)	(31.657.060.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.531.473.450	3.710.080.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.048.433.212.839)	(112.704.985.347)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		173.000.000.000	409.873.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.714.058.610.504	1.005.971.122.084
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.288.608.384.170)	(966.975.012.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		598.450.226.334	448.869.109.758
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(28.976.099.431)	40.236.351.708
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		88.666.753.764	48.431.301.604
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		639.192	(899.548)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	59.691.293.525	88.666.753.764

Người lập



Phan Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hải

Quảng Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN

TRƯỜNG THỊNH

QUẢNG BÌNH

ĐỒNG LƯU

TRƯỜNG THỊNH

QUẢNG BÌNH

ĐỒNG LƯU

TRƯỜNG THỊNH

QUẢNG BÌNH

ĐỒNG LƯU

TRƯỜNG THỊNH

Phó Tổng giám đốc

Nguyễn Bảo Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Trường Thịnh, được thành lập theo Quyết định số 989 QĐ/DN do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 11/11/1994 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 047276 đăng ký lần đầu ngày 14/11/1994, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100195171 đăng ký lại ngày 11/06/2009 và hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 16/12/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **1.889.000.000.000 đồng** (Một nghìn tám trăm tám mươi chín tỷ đồng./).

Ngày 07/01/2020, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, theo đó vốn điều lệ của Công ty được đăng ký mới là **2.109.000.000.000 đồng** (Hai nghìn một trăm linh chín tỷ đồng./). Đến thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ đăng ký mới này.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Xây dựng nhà các loại, các công trình dân dụng, cảng biển đường thủy, thủy lợi, thủy điện, điện đến 220KV, đường ống cấp thoát nước, lắp đặt thiết bị; Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình đường bộ: Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đầu tư và xây dựng các công trình giao thông theo hình thức BOT, BT...; Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Thiết kế, thẩm tra công trình cầu đường, thiết kế sản phẩm công nghiệp, giao thông vận tải (khi có đủ điều kiện của các ngành chức năng cho phép); kiểm định công trình;
- Vận tải hành khách bằng xe taxi; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, cho thuê nhà ở, văn phòng; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống: Kinh doanh nhà hàng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ: Sản xuất mộc dân dụng, đồ mỹ nghệ, sơn mài... (trừ cửa xẻ gỗ để bán, cửa xẻ gỗ thuê); Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Khai thác và chế biến quặng sắt; Khai thác và chế biến quặng bô xít, ma gan, titan (khi có đủ điều kiện);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ; Đại tu ô tô, máy công trình, mua bán và bảo dưỡng xe có động cơ và rơ moóc; Đúc tạo phôi, gia công chế tạo các mặt hàng sản phẩm cơ khí, sản phẩm phục vụ giao thông, điện, công nghiệp; Kinh doanh các thiết bị đồng lực, máy nông, lâm, thủy lợi, các phụ tùng, vật tư kỹ thuật cho các ngành kinh tế;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí và sân golf; Cho thuê tài sản; Đầu tư, kinh doanh bất động sản; Kinh doanh, buôn bán (kể cả xuất, nhập khẩu) xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Kinh doanh thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền của cơ học bê tông, kết cấu; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (khi có đủ điều kiện); Kinh doanh các dịch vụ cảng biển; Kinh doanh có thu phí dịch vụ sử dụng công trình./

Trụ sở chính của Công ty: 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Tùy từng lĩnh vực kinh doanh mà chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ và một số công trình xây dựng thông thường thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng một số dự án thì chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH B.O.T Đường tránh thành phố Đồng Hới	Xã Võ Ninh - huyện Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh	Thôn Mỹ Cảnh, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Khách sạn và Du lịch	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV BOT Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH BOT Quảng Trị	Xã Triệu Giang - Huyện Triệu Phong - Tỉnh Quảng Trị	Thu phí đường bộ	100%	100%	100%
6. Công ty CP Du lịch Suối Bang Trường Thịnh	Tầng 7, tòa nhà Tập đoàn Trường Thịnh, số 50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Du lịch, Nghi dưỡng	75%	75%	75%
7. Công ty CP Trường Thịnh Golf & Resort	Số 50 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Hải Đình, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Giải trí, Nghi dưỡng	70%	70%	70%

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thủy điện	45,70%	45,70%	45,70%
2. Công ty CP Trường Thịnh 5	50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
3. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	50 Nguyễn Hữu Cánh, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp	29,21%	29,21%	29,21%
4. Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	Số 475 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	20,77%	20,77%	20,77%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập tại ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chịu sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng Chi nhánh Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng Chi nhánh Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận bắt đầu từ ngày phát sinh hoạt động gửi tiền tiết kiệm và mua trái phiếu kỳ hạn 7 năm của Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, được ghi nhận dựa trên Hợp đồng mua trái phiếu và thời điểm thực tế mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính và các chi phí chung trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh dở dang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Cây lâu năm	09 - 40
- Tài sản cố định khác	04 - 40

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Riêng tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc phục vụ các các dự án theo hình thức BOT (công trình Quốc lộ 1 Km 672+600 – Km 704+900, công trình Quốc lộ 1 Km741 + 170 - Km756 + 705 qua tỉnh Quảng Trị, Dự án xây dựng quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình, công trình BOT Đồng Hà – Quảng Trị (Km756 + 705 -> km769 + 947) thì thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm máy vi tính và giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian được cấp phép sử dụng.

Phần mềm kế toán, phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của Công ty đã được khấu hao hết.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty gồm: công trình Dự án Sân Golf - Bảo Ninh Trường Thịnh - Mỹ Cảnh, Dự án Khu du lịch và dịch vụ tại xã Bảo Ninh - Thành phố Đồng Hới, Dự án Khu du lịch suối Bang, Khu du lịch và nhà ở sinh thái Sun Spa Đảo Yến - Quảng Đông và các công trình khác... được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí bảo hiểm và phí sử dụng đường bộ, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trung tu, chi phí công trình BOT Đồng Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947), chi phí công trình Quốc lộ 1 Km672+600 đến Km704+900, chi phí Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới và các chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm và phí sử dụng đường bộ: Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định trên hợp đồng và thời hạn sử dụng phí đường bộ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí trung tu: Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định trên hợp đồng BOT do Công ty ký kết với Bộ Giao thông vận tải. Theo đó, chi phí trung tu đối với cầu được phân bổ trong thời gian 5 năm và chi phí trung tu đối với đường được phân bổ trong thời gian 4 năm.

Chi phí công trình BOT Đồng Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947), chi phí công trình Quốc lộ 1 Km672+600 đến Km704+900 và chi phí Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới: là các chi phí đã phát sinh qua nhiều kỳ kế toán. Công ty thực hiện phân loại từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và sẽ thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tài chính sắp tới.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành của Công ty được ghi nhận dựa trên Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 1810/2019/HDDM/TT ngày 18/10/2019. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành.

Ngày phát hành trái phiếu: 21/10/2019

Ngày đáo hạn trái phiếu: 21/10/2020

Lãi suất trái phiếu:

+ Trái phiếu được hưởng lãi bắt đầu từ, và bao gồm Ngày phát hành trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác khi thực hiện mua lại Trái phiếu.

+ Trái phiếu được trả lãi sau, định kỳ 06 tháng một lần tính từ Ngày phát hành trái phiếu, vào các ngày 21/04 và 21/10 hàng năm. Tiền lãi trái phiếu được tính trên cơ sở số ngày thực tế và một năm có 365 ngày.

Trái phiếu có lãi suất cố định: 10,5%

Khối lượng trái phiếu đặt mua: 4.346.000 trái phiếu

Tổng mệnh giá đặt mua: 434.600.000.000 VND

Giá phát hành: 100% mệnh giá

Tổng số tiền thanh toán: 434.600.000.000 VND

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản chi phí lãi vay và tiền lãi trách nhiệm đã phát sinh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả. Khoản trích trước chi phí trung tu cho năm 2020 được ghi nhận dựa trên Phụ lục hợp đồng số 1/36- CĐBVN-HĐ/2009 ngày 25/05/2009 của Tổng Cục đường bộ và khoản chi phí kiểm toán và chi phí thẩm tra quyết toán vốn đầu tư của công trình đường tránh TP. Đồng Hới.

Khoản chi phí lãi vay được xác định căn cứ vào lãi suất và hợp đồng vay.

Khoản tiền lãi trách nhiệm phải trả của cán bộ công nhân viên. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào số tiền trách nhiệm đã nộp và lãi suất huy động.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, doanh thu thu phí đường bộ, doanh thu hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản, cho thuê phòng nghỉ và các dịch vụ liên quan, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán đất cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ bán thanh lý tài sản cố định, các khoản thu do Công ty bảo hiểm đền bù, các khoản thu phạt và phạt hao hụt vật tư và các khoản thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, biên bản bàn giao, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm, chi phí sử dụng vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo đúng hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành với mức thuế suất áp dụng là: 10% đối với hoạt động xây lắp, kinh doanh vật tư...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	57.191.293.525	88.666.753.764
Tiền mặt	10.295.490.959	8.314.291.189
Tiền gửi ngân hàng	46.895.802.566	80.352.462.575
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	-
Cộng	59.691.293.525	88.666.753.764

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	294.647.391.152	-	98.247.904.375	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Phú	30.603.659.108	-	29.706.742.373	-
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	38.825.624.687	-	8.925.873.818	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng Trường Thịnh	2.941.758.458	-	6.215.921.754	-
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	183.964.792.510	-	-	-
Công ty CP Trường Thịnh 5	4.776.008.637	-	7.499.585.428	-
Các đối tượng khác	33.535.547.752	-	45.899.781.002	-
b) Dài hạn	-	-	63.587.151.789	-
Ban QLDA phục dựng tôn tạo Chùa Hoảng Phúc	-	-	2.187.859.000	-
Ban Quản lý dự án khu kinh tế - Quảng Bình	-	-	3.278.669.891	-
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	-	-	50.567.470.869	-
Các đối tượng khác	-	-	7.553.152.029	-
Cộng	294.647.391.152	-	161.835.056.164	-

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN /HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

3.1 Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

31/12/2019		01/01/2019	
VND		VND	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
80.188.235.733	80.188.235.733	125.410.060.944	125.410.060.944
80.188.235.733	80.188.235.733	125.410.060.944	125.410.060.944
76.671.270.555	76.671.270.555	122.072.283.558	122.072.283.558
3.516.965.178	3.516.965.178	3.337.777.386	3.337.777.386
11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000
11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000
11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000	11.900.000.000
92.088.235.733	92.088.235.733	137.310.060.944	137.310.060.944

3.2 Đầu tư vào Công ty liên kết

31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
			Dự phòng
591.790.298.700	-	592.485.746.156	287.639.649.000
390.674.000.000	-	390.674.000.000	-
22.050.000.000	-	22.602.420.825	-
17.525.000.000	-	17.941.682.750	-
161.541.298.700	-	161.267.642.581	-
591.790.298.700	-	592.485.746.156	287.639.649.000
			288.460.232.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	100.319.901.688	95.688.920.067
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	-	52.453.770.972
Đỗ Cương (Vợ Nguyễn Thị Hào)	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty CP Xây dựng thương mại và Du lịch Phương Bắc	33.697.905.224	33.476.800
Công ty CP Giao thông xây dựng số 1	19.853.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Trường Phú	8.362.968.987	-
Các đối tượng khác	22.406.027.477	27.201.672.295
b) Dài hạn	-	54.912.809.817
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Vĩnh Phước	-	25.215.989.231
Công ty CP Xây dựng thương mại và Du lịch Phương Bắc	-	29.696.820.586
Cộng	100.319.901.688	150.601.729.884

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.010.535.418.534	613.594.954	922.867.658.563	438.282.110
Phải thu khác	799.809.100.281	613.594.954	688.693.241.913	438.282.110
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	-	-	20.978.041.704	-
Ban điều hành khu đô thị mới Bảo Ninh	141.506.100.000	-	94.680.500.000	-
Ban điều hành Khu du lịch đảo yến	139.515.827.500	-	95.342.327.500	-
Ban điều hành Công trình nhà ở thương mại Trường Thịnh	91.599.683.000	-	91.599.683.000	-
Ban điều hành cảng Hòn La	93.942.389.000	-	94.242.389.000	-
Ban điều hành dự án suối nước nóng Bang	74.194.260.000	-	74.194.260.000	-
Ban điều hành dự án sân Golf Bảo Ninh	148.770.169.958	-	96.160.000.000	-
Các đối tượng khác	110.280.670.823	613.594.954	121.496.040.709	438.282.110
Tạm ứng	208.107.955.078	-	231.729.165.681	-
Võ Hoàng Anh	11.254.798.930	-	22.663.587.847	-
Nguyễn Bảo Ngọc	25.488.958.475	-	15.203.068.636	-
Nguyễn Thị Loan	2.887.606.720	-	20.000.000.000	-
Phạm Minh Phong	15.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Trần Mạnh Danh	20.414.140.000	-	34.948.040.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Võ Minh Hoài	50.483.500.557	-	6.440.082.846	-
Các đối tượng khác	82.578.950.396	-	107.474.386.352	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.616.672.145	-	2.409.171.498	-
Sở Tài chính Thừa Thiên Huế	1.150.000.000	-	1.150.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình	1.047.672.452	-	923.960.794	-
Các khoản ký cược khác	418.999.693	-	335.210.704	-
Dư nợ TK 338	-	-	26.036.344	-
Dư nợ TK 334	1.691.030	-	10.043.127	-
b) Dài hạn	390.317.729	-	320.247.608	-
Phải thu khác	361.292.729	-	291.222.608	-
Công trình đường HCM đoạn La Sơn-Tùy Loan	291.222.608	-	291.222.608	-
Công ty TNHH Hưng Văn Thịnh	70.070.121	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	29.025.000	-	29.025.000	-
Cộng	1.010.925.736.263	613.594.954	923.187.906.171	438.282.110

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn thanh toán				
Phải thu khác				
Phạm Văn Tài	528.449.460	158.534.838	528.449.460	264.224.730
Vũ Thị Thu Nga	348.114.760	104.434.428	348.114.760	174.057.380
Cộng	876.564.220	262.969.266	876.564.220	438.282.110

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.596.244.094	-	27.458.578.652	-
Công cụ, dụng cụ	482.514.037	-	2.277.798.887	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	391.866.912.510	-	396.743.131.653	-
Thành phẩm	34.680.442	-	11.119.430	-
Hàng hóa	816.909.721	-	807.201.978	-
Cộng	425.797.260.804	-	427.297.830.600	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Chi phí trả trước		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
a)	Ngắn hạn	2.149.495.175	3.008.717.903
	Chi phí bảo hiểm	1.650.270.177	3.008.717.903
	Chi phí khác	499.224.998	-
b)	Dài hạn	177.733.668.352	26.032.157.951
	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.656.004.322	2.413.507.352
	Công trình BOT Đồng Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947)	91.730.255.426	-
	Chi phí công trình Quốc lộ 1 Km672+600 đến Km704+900	36.795.414.495	-
	Chi phí trung tu	25.767.551.759	-
	Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới	620.914.851	-
	Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	18.163.527.499	23.618.650.599
	Cộng	179.883.163.527	29.040.875.854

9. Tài sản dở dang dài hạn		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a)	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
	Công trình đầu mối RCC - Thủy điện La Trọng	-	85.083.791.616
	Công trình hầm áp lực - Thủy điện La Trọng	-	17.803.294.781
	Các công trình khác	-	18.717.321.336
	Cộng	-	121.604.407.733
b)	Xây dựng cơ bản dở dang		
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	Dự án Sân Golf - Bảo Ninh Trường Thịnh - Mỹ Cảnh	60.979.821.941	35.245.700.246
	Dự án Khu du lịch và dịch vụ tại xã Bảo Ninh - Thành phố Đồng Hới	549.260.918.649	630.572.727
	Dự án Khu du lịch suối Bang	229.061.471.993	57.693.563.855
	Khu du lịch và nhà ở sinh thái Sun Spa Đảo Yến - Quảng Đông	19.173.513.776	16.437.535.018
	Công trình BOT Đồng Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947)	-	91.785.507.244
	Công trình BOT Đồng Hà - Quảng Trị (km756+705-> km769+947) phần tăng cường mặt đường	25.323.827.151	23.493.051.696
	Công trình Quốc lộ 1 Km741+170 - Km756+705 tỉnh Quảng Trị	40.030.271.465	29.053.603.282
	Công trình Quốc lộ 1 Km672+600 đến Km704+900	-	87.362.725.121
	Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới	-	127.318.682.423
	Các công trình khác	54.867.961.810	45.266.266.950
	Cộng	978.697.786.785	514.287.208.562

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VNĐ
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2019	3.897.461.007.166	550.784.181.009	186.959.347.714	7.678.084.407	91.807.648.482	43.745.981.238	4.778.436.250.016
Mua trong năm	10.677.100.540	17.454.447.289	12.285.638.115	323.772.727	-	91.627.273	40.832.585.944
Đầu tư XD/CB hoàn thành	178.102.012.548	-	-	-	-	-	178.102.012.548
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.521.996.745)	(1.963.189.975)	-	-	-	(32.485.186.720)
Giảm khác (*)	(565.138.673)	(49.415.476)	-	-	(62.107.528)	(7.607.310)	(684.268.987)
Số dư ngày 31/12/2019	4.085.674.981.581	537.667.216.077	197.281.795.854	8.001.857.134	91.745.540.954	43.830.001.201	4.964.201.392.801
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2019	449.209.706.775	247.585.081.862	99.636.137.850	6.917.685.390	39.356.243.107	19.211.927.178	861.916.782.162
Khấu hao trong năm	114.813.620.624	39.678.957.883	15.903.584.300	457.074.346	4.826.201.196	3.953.673.814	179.633.112.163
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.823.798.838)	(1.963.189.975)	-	-	-	(19.786.988.813)
Số dư ngày 31/12/2019	564.023.327.399	269.440.240.907	113.576.532.175	7.374.759.736	44.182.444.303	23.165.600.992	1.021.762.905.512
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2019	3.448.251.300.391	303.199.099.147	87.323.209.864	760.399.017	52.451.405.375	24.534.054.060	3.916.519.467.854
Tại ngày 31/12/2019	3.521.651.654.182	268.226.975.170	83.705.263.679	627.097.398	47.563.096.651	20.664.400.209	3.942.438.487.289

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 147.157.227.747 VND

- Giá trị còn lại của TSCĐ sử dụng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay: 293.390.884.080 VND

(*): Giảm khác là việc ghi giảm giá trị các tài sản bị làm hỏng và làm thiệt hại do bão lũ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Phần mềm kế toán	Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn	Cộng
Số dư ngày 01/01/2019	120.000.000	234.331.094	1.300.000.000	1.654.331.094
Mua trong năm	-	337.220.000	-	337.220.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư ngày 31/12/2019	120.000.000	571.551.094	300.000.000	991.551.094
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2019	100.000.000	234.331.094	5.370.545	339.701.639
Khấu hao trong năm	20.000.000	66.926.559	15.790.099	102.716.658
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.366.126)	(6.366.126)
Số dư ngày 31/12/2019	120.000.000	301.257.653	14.794.518	436.052.171
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	20.000.000	-	1.294.629.455	1.314.629.455
Tại ngày 31/12/2019	-	270.293.441	285.205.482	555.498.923

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 354.331.094 VND.

12. Phải trả người bán

31/12/2019

01/01/2019

VND

VND

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	200.790.028.358	200.790.028.358	234.816.754.527	234.816.754.527
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	10.161.162.337	10.161.162.337	10.729.611.067	10.729.611.067
Công ty CP Xây dựng tổng hợp Minh Anh	25.456.861.412	25.456.861.412	40.928.537.018	40.928.537.018
Công ty CP Trường Thịnh 5	35.869.665.404	35.869.665.404	27.293.448.000	27.293.448.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	41.288.012.014	41.288.012.014	5.077.839.319	5.077.839.319
Các đối tượng khác	88.014.327.191	88.014.327.191	146.888.019.123	146.888.019.123
b) Dài hạn	267.918.532.172	267.918.532.172	131.818.700.969	131.818.700.969
Công ty CP Trường Thịnh 5	117.224.607.000	117.224.607.000	39.775.886.105	39.775.886.105
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Trường Phú	-	-	51.290.425.952	51.290.425.952
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	39.941.564.512	39.941.564.512	40.741.564.512	40.741.564.512
Các đối tượng khác	110.752.360.660	110.752.360.660	10.824.400	10.824.400
Cộng	468.708.560.530	468.708.560.530	366.635.455.496	366.635.455.496

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỞNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp đồng độc lập được đọc với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

13.1 Vay

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.224.015.919.356	1.224.015.919.356	1.418.110.795.404	1.305.558.384.170	1.111.463.508.122	1.111.463.508.122
<i>Vay ngắn hạn</i>	904.021.757.791	904.021.757.791	1.104.322.795.404	1.133.164.545.735	932.863.508.122	932.863.508.122
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Bình (1)	899.021.757.791	899.021.757.791	1.104.322.795.404	1.131.333.958.735	926.032.921.122	926.032.921.122
Bà Võ Thị Phương Anh (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	-	-	-	1.830.587.000	1.830.587.000	1.830.587.000
<i>Vay dài hạn đến hạn phải trả</i>	319.994.161.565	319.994.161.565	313.788.000.000	172.393.838.435	178.600.000.000	178.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (3)	273.830.497.565	273.830.497.565	267.624.336.000	126.499.598.435	132.705.760.000	132.705.760.000
Quý Phát triển đất tỉnh Quảng Bình - UBND tỉnh Quảng Bình (4)	-	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000	11.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô (6)	16.163.664.000	16.163.664.000	16.163.664.000	14.694.240.000	14.694.240.000	14.694.240.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Trị (7)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
b) Vay dài hạn	2.779.609.722.027	2.779.609.722.027	175.135.815.100	296.838.000.000	2.901.311.906.927	2.901.311.906.927
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (3)	1.809.720.073.951	1.809.720.073.951	8.394.415.100	250.624.336.000	2.051.949.994.851	2.051.949.994.851
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc - Hà Nội (5)	166.741.400.000	166.741.400.000	166.741.400.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô (6)	146.516.041.894	146.516.041.894	-	16.163.664.000	162.679.705.894	162.679.705.894
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Trị (7)	656.446.586.656	656.446.586.656	-	30.000.000.000	686.446.586.656	686.446.586.656
Các đối tượng khác	185.619.526	185.619.526	-	50.000.000	235.619.526	235.619.526
Cộng	4.003.625.641.383	4.003.625.641.383	1.593.246.610.504	1.602.396.384.170	4.012.775.415.049	4.012.775.415.049

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Các khoản vay với các bên liên quan: Chi tiết được trình bày tại thuyết minh mục VIII.2.

(1): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/525375/HĐTD ngày 24/09/2018. Hạn mức cấp tín dụng: 1.290 tỷ đồng. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC: 600 tỷ đồng. Hạn mức bảo lãnh: 690 tỷ đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15/08/2019. Lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng cụ thể từng lần; tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp/cầm cố kỷ hết giữa các bên.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/525375/HĐTD ngày 22/11/2019. Hạn mức cấp tín dụng: 1.330 tỷ đồng. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC: 640 tỷ đồng. Hạn mức bảo lãnh: 690 tỷ đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2020. Lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng cụ thể từng lần; tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp/cầm cố kỷ hết giữa các bên.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/5260488/HĐTD ngày 24/09/2018; hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2019; tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay, số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/5260488/HĐTD ngày 04/12/2019; hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 02/12/2020; tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay, số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Khoản vay được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2753580/HĐTD ngày 24/09/2018 thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2019/2750292/VBSDHĐTD ngày 03/09/2019.

(2): Vay ngắn hạn Bà Võ Thị Phương Anh theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 20/06/2018, lãi suất: 0%, thời hạn: cho vay linh động, khi có nhu cầu sử dụng tiền sẽ thông báo cho Công ty trước 1 tháng.

(3): - Hợp đồng tín dụng số 01/2016/525375/HĐ ngày 16/03/2016; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/525375/VBSDHĐTD ngày 30/6/2017 về thời hạn trả nợ gốc. Số tiền cho vay 147.642.000.000 đồng, mục đích để đầu tư cho may mặc thiết bị thi công năm 2016; thời hạn cho vay 84 tháng kể từ nhận nợ đầu tiên; thời hạn rút vốn 360 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng 3%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, cầm cố theo các hợp đồng thế chấp, cầm cố kỷ kết giữa các bên, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2013/HĐ ngày 14/10/2013, văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 01/06/2014 về thời hạn rút vốn, thời hạn trả nợ gốc, bên vay được rút vốn trong thời hạn từ ngày 14/10/2013 đến 30/06/2015; số tiền cho vay 109.473.000.000 đồng, mục đích để đầu tư cho Dự án thiết bị thi công năm 2013; thời hạn cho vay 84 tháng kể từ nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm có nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, bảo lãnh bên thứ ba và tài sản hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2012/HD ngày 20/06/2012; hạn mức cho vay 57.000.000.000 đồng; mục đích để đầu tư cho dự án xây dựng, cải tạo Văn phòng Tập đoàn Trường Thịnh; thời hạn cho vay 10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm cả nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tài sản đảm bảo: tài sản thế chấp, cầm cố ký kết giữa các bên, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
 - Các khoản vay được thực hiện theo: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HD ngày 23/01/2009, các phụ lục hợp đồng, công văn số 1970/CV-KHND2 ngày 30/09/2014 về thông báo lịch trả nợ theo hợp đồng tín dụng dài hạn; tổng số tiền vay là 653.491.542.358 đồng; mục đích để đầu tư cho dự án cải tạo mở rộng quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Đông Hà đến thị xã Quảng Trị; thời hạn vay 15 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi và phí; lãi suất vay áp dụng lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng phí 3,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; tài sản đảm bảo: cầm cố quyền thu phí của dự án trong suốt thời gian còn dư nợ gốc, lãi vay và các khoản tiền phạt, phí khác.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cả nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Mỹ Cảnh - giai đoạn 2 của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 108 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cả nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Mỹ Cảnh - giai đoạn 1 của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh ngày 19/06/2013.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HD ngày 19/06/2013, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất là lãi suất tiết kiệm cả nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đang áp dụng tại ngân hàng + 3%/năm và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần/năm với mục đích nhận lại nợ của Dự án Khu du lịch Sinh thái Đồng thiên Đường của Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh. Biên bản xác nhận nợ vay của Ngân hàng với Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh và Công ty TNHH MTV Du lịch Trường Thịnh.
 - Theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TRUONGTHINH ngày 17/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình và Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (với tư cách là Bên vay, Nhà đầu tư) + Công ty TNHH MTV BOT Trường Thịnh (với tư cách Bên vay, Doanh nghiệp dự án); mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán một phần chi phí dự án Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 1 đoạn Km 672+600 - Km 704+900 tỉnh Quảng Bình theo hình thức hợp đồng BOT, bao gồm cả phần lãi vay trong thời gian thi công và Vận bán sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD/BIDV-TRUONGTHINH/VBSDHDDTD ngày 20/12/2016.
- Tài sản thế chấp, đảm bảo:**
- Biên bản thống nhất giá trị tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình. Tài sản thế chấp: Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị: 01 xe ô tô chở khách 29 chỗ ngồi - BKS - 73B - 005.20; 01 xe ô tô chở khách 29 chỗ ngồi - BKS - 73B - 005.66 và 01 máy sục cát làm sạch bãi biển.
- Lịch trả nợ gốc:**
- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Dự án Đồng Thiên đường: được thực hiện theo Văn bản số 01/2018/5260488/VBSDHDDTD ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sửa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HD ngày 19/06/2013.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỞNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Sun spa Resort giai đoạn 1: được thực hiện theo Văn bản số 02/2018/5260488/VBSDHĐTD ngày 06/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sửa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 19/06/2013.
- Lịch trả nợ gốc của khoản vay dài hạn - Sun spa Resort giai đoạn 2: được thực hiện theo Văn bản số 03/2018/5260488/VBSDHĐTD ngày 06/03/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty sửa đổi Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2013/HD ngày 19/06/2013.
- (4): - Là khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Bình (trước đây là Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Bình - UBND tỉnh Quảng Bình) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-QDP ngày 30/06/2010, Thông báo số 39/QPTĐ về thanh toán nợ vay quỹ đầu tư phát triển địa phương; hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng; mục đích để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng dự án du lịch sinh thái Động Thiên Đường; thời hạn cho vay 5 năm, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất trong hạn 9,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành sau đầu tư để thế chấp cho khoản vay, theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 23/06/2010.
- Biên bản thỏa thuận thanh toán nợ ngày 15/06/2017 giữa 3 bên Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Bình (Bên A), Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương (Bên B) và Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh (Bên C). Nội dung biên bản thỏa thuận thanh toán nợ: Bên A đồng ý cho bên B trả nợ thay Bên B số tiền nợ gốc 5 tỷ đồng tại hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐTD ngày 15/01/2014. Thông tin hợp đồng: Hạn mức cho vay 5.000.000.000 đồng; mục đích để thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục thuộc khu dân cư ở các vị trí dọc khe suối, khe suối, đường ven suối, tôn tạo khu vực nguồn mô nước nóng, bãi tắm chung và hoàn thiện 5 bể tắm, nhà dịch vụ, công trình phục trợ liên quan khác; thời hạn cho vay 8 năm, thời gian ân hạn 3 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tất toán tại thời điểm 31/12/2019.
- (5): Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 191/2019/HĐTĐTDH-PN/SHB.111600 ngày 12/08/2019, số tiền cho vay là: 468,6 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: tài trợ Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Thời hạn cho vay: 114 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: theo từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ theo quy định tại từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: toàn bộ các công trình xây dựng hình thành trong tương lai thuộc Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (chỉ tiết thừa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số công chứng 3685, quyển số 8/2019 TP/CC-SCC HDGD ký ngày 12/08/2019).
- (3) & (6): Vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn để đầu tư Dự án Xây dựng Quốc lộ 1A - Đoạn tránh TP Đồng Hới - Quảng Bình số 01/2006/HD ngày 23/03/2006, Phụ lục hợp đồng số 01/2008/PLHD ngày 03/10/2008, Phụ lục hợp đồng số 01/2009/PLHD ngày 17/11/2009, Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHD ngày 20/06/2010, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2018/973693/VBSDHĐTD ngày 06/11/2018, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn 54 tháng.
- (7) Các khoản vay của Công ty: theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 17/02/2014 với tổng hạn mức là 906.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay cụ thể theo từng lần nhận nợ. Mục đích cho vay để thanh toán một phần chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km741+170 - Km 756+705 tỉnh Quảng Trị.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Địa chỉ: Số 50 Nguyễn Hữu Cánh - TP Đồng Hới - Quảng Bình

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13.2 Trái phiếu phát hành

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	434.600.000.000	Lãi suất cố định, 10,5%/năm	-	-
Cộng	434.600.000.000		-	
		Kỳ hạn		Kỳ hạn
		Từ ngày 21/10/2019 đến ngày 21/10/2020		

(1): Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 1810/2019/HDDM/TT ngày 18/10/2019. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành.

Ngày phát hành trái phiếu: 21/10/2019

Ngày đáo hạn trái phiếu: 21/10/2020

Lãi suất trái phiếu: trái phiếu được hưởng lãi bắt đầu từ, và bao gồm Ngày phát hành trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác khi thực hiện mua lại Trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi sau, định kỳ 06 tháng một lần tính từ Ngày phát hành trái phiếu, vào các ngày 21/04 và 21/10 hàng năm. Tiền lãi trái phiếu được tính trên cơ sở số ngày thực tế và một năm có 365 ngày.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.525.941.597	152.547.266.765
Công ty CP Trường Thịnh 5	-	23.364.251.014
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	-	62.399.040.858
Nguyễn Thị Liên (Bất động sản)	-	4.729.200.000
Các đối tượng khác	1.525.941.597	62.054.774.893
b) Dài hạn	343.085.011.250	213.563.963.776
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	18.466.444.000	95.398.960.700
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	49.462.739.000	102.211.000.000
Công ty CP Trường Thịnh 5	32.948.065.893	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	66.538.491.252	-
Công ty CP Dịch vụ du lịch ONSSEN FUJI	20.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư bất động sản TASECO	120.000.000.000	-
Ban quản lý dự án 6 - Quốc lộ 4 Hà Giang - Lào Cai	20.898.065.812	7.529.709.452
Các đối tượng khác	14.771.205.293	8.424.293.624
Cộng	344.610.952.847	366.111.230.541
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.		

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.073.140.585	58.092.916.460	60.318.248.807	2.847.808.238
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.185.704	740.579.549	738.924.761	8.840.492
Thuế GTGT hàng NK	-	222.907.366	222.907.366	-
Thuế nhập khẩu	-	655.609.899	655.609.899	-
Thuế TNDN	14.595.366.262	981.864.780	15.191.200.188	386.030.854
Thuế TNDN từ hoạt động SX kinh doanh thông thường	105.896.796	981.864.780	701.730.722	386.030.854
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	14.489.469.466	-	14.489.469.466	-
Thuế thu nhập cá nhân	95.225.408	566.902.798	546.531.260	115.596.946
Thuế tài nguyên	269.390.020	670.420.956	872.281.620	67.529.356
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.785.917.339	2.785.917.339	-
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	170.211.329	1.543.904.861	1.666.171.626	47.944.564
Thuế nhà thầu	-	612.224.390	286.006.277	326.218.113
Cộng	20.210.519.308	63.625.025.906	81.357.621.240	3.799.968.563

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Phải thu				
Thuế GTGT	-	-	1.643.420.552	1.643.420.552
Thuế TNDN	100.000	100.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	271.244.534	271.244.534	111.449.839	111.449.839
Thuế thu nhập cá nhân	22.590.599	22.590.599	-	-
Cộng	293.935.133	293.935.133	3.398.290.943	1.754.870.391

16. Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	151.475.532.477	102.264.441.144
Chi phí lãi vay	142.396.741.517	102.161.250.829
Tiền lãi trách nhiệm	64.190.960	103.190.315
Trích trước chi phí trung tu	9.014.600.000	-
b) Dài hạn	116.993.306.640	56.474.127.437
Chi phí lãi vay	116.500.807.880	56.474.127.437
Chi phí kiểm toán và thẩm tra quyết toán Công trình đường tránh thành phố Đồng Hới	492.498.760	-
Cộng	268.468.839.117	158.738.568.581

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	74.343.197.406	63.966.498.140
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>637.266.160</i>	<i>383.951.114</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>-</i>	<i>12.846.771</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>73.655.931.246</i>	<i>47.233.315.341</i>
Công ty CP Trường Thịnh 5	3.058.944.810	3.058.944.810
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	28.737.869.076	5.736.620.743
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	-	4.617.699.750
Nguyễn Bảo Ngọc	39.562.366.200	22.039.052.600
Võ Thị Phương Anh	1.115.703.393	-
Các đối tượng khác	2.296.751.160	11.780.997.438
<i>Tài khoản 138 dư có</i>	<i>-</i>	<i>16.336.384.914</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
b) Dài hạn	228.166.667.597	19.528.543.263
<i>Các khoản phải trả dài hạn khác</i>	<i>217.307.202.734</i>	<i>7.644.270.664</i>
Công ty CP JITA	-	2.435.810.500
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Minh	-	5.208.460.164

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	190.075.159.948	-
Võ Minh Hoài	14.695.000.000	-
Các đối tượng khác	12.537.042.786	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.859.464.863	11.884.272.599
Cộng	302.509.865.003	83.495.041.403

c) Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh mục VIII.2.

18. Vốn chủ sở hữu**18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2018	1.479.127.000.000	(233.493.794.397)	1.245.633.205.603
Tăng vốn trong năm trước	409.873.000.000	-	409.873.000.000
Lãi trong năm trước	-	28.906.269.162	28.906.269.162
Trích lập các quỹ	-	(1.896.879.833)	(1.896.879.833)
Giảm khác	-	(1.311.811.396)	(1.311.811.396)
Số dư ngày 01/01/2019	1.889.000.000.000	(207.796.216.464)	1.681.203.783.536
Tăng vốn trong năm	220.000.000.000	-	220.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	(69.031.274.312)	(69.031.274.312)
Tăng khác (*)	-	128.414.091	128.414.091
Giảm lợi nhuận để tăng vốn chủ sở hữu	-	(47.000.000.000)	(47.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(12.692.680.195)	(12.692.680.195)
Phạt thuế và bảo hiểm	-	(20.333.584)	(20.333.584)
Giảm khác (**)	-	(3.409.343.173)	(3.409.343.173)
Số dư ngày 31/12/2019	2.109.000.000.000	(339.821.433.637)	1.769.178.566.363

(*): Tăng khác là khoản điều chỉnh lại chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn hạch toán nhằm là chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2016 của Công ty TNHH BOT Đường tránh TP. Đồng Hới.

(**): Khoản giảm khác trong năm là tiền truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp của BOT Đường Tránh theo Quyết định số 4385 ngày 11/10/2019 của Cục thuế tỉnh Quảng Bình và khoản chi phí lãi vay điều chỉnh lại theo đối chiếu với ngân hàng giao dịch.

18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Võ Minh Hoài	2.036.692.500.000	1.818.450.000.000
Bà Trương Thị Kim Oanh	512.500.000	500.000.000
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	71.795.000.000	70.050.000.000
Cộng	2.109.000.000.000	1.889.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.889.000.000.000	1.479.127.000.000
Vốn góp tăng trong năm	220.000.000.000	409.873.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.109.000.000.000	1.889.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4. Cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	210.900.000	188.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	210.900.000	188.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	210.900.000	188.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	210.900.000	188.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	210.900.000	188.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18.5. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
Quỹ đầu tư phát triển	897.686.745	-	-	897.686.745
Cộng	897.686.745	-	-	897.686.745

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Công ty không trích lập bổ sung quỹ này trong năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền USD	1.664,11	807,85
Tiền THB	-	250,00
Tiền EUR	-	10,00

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp kết cấu hạ tầng, giao thông và bán hàng	1.308.013.841.229	1.269.874.469.110
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.366.441.740	46.606.248.033
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch	140.817.756.809	132.038.221.403
Doanh thu dịch vụ thu phí đường bộ	424.712.208.179	407.851.503.636
Doanh thu đầu tư, kinh doanh bất động sản	2.885.436.474	295.205.540.072
Cộng	1.919.795.684.431	2.151.575.982.254

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết được trình bày tại thuyết minh mục VIII.2.**2. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp kết cấu hạ tầng giao thông và bán hàng	1.189.821.353.195	1.162.936.734.437
Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.162.009.218	44.623.623.115
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch	127.184.948.416	124.570.055.778
Giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	104.342.332.719	83.282.289.971
Giá vốn đầu tư, kinh doanh bất động sản	3.241.429.769	165.383.295.294
Cộng	1.466.752.073.317	1.580.795.998.596

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ký quỹ	2.238.586.282	8.711.372.185
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.366.494	1.248.132
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	639.192	78.842
Lãi ký quỹ	2.028.413	4.263.544
Cộng	2.242.620.381	8.716.962.703

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	420.665.348.091	429.630.221.496
Chi phí sử dụng vốn của Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	2.464.419.464	5.736.620.743
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.014.535	952.882.637
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	978.390
Cộng	423.130.782.090	436.320.703.266

5. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản thu do hao hụt vật tư	1.214.955.655	46.310.800
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	931.074.409	792.164.826
Thu nhập khác	13.443.541	343.230.148
Cộng	2.159.473.605	1.181.705.774

6. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại và chi phí sửa chữa tài sản cố định thanh lý	178.834.269	1.024.991.176
Phạt hành chính và thuế	2.171.312.911	362.244.733
Chi phí tài sản bị thiệt hại do thiên tai	684.268.987	138.513.883
Chi phí sản xuất kinh doanh của những hạng mục đã quyết toán xong	-	2.166.501.000
Giá trị tài sản giảm do hỏng vì giải phóng mặt bằng	-	8.564.683.437
Chi phí khác	775.286.729	60.826.725
Cộng	3.809.702.896	12.317.760.954

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	74.911.494.084	66.325.388.854
Chi phí nhân viên quản lý	30.653.145.786	30.825.232.924
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.282.552.211	718.445.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.670.211.820	2.865.153.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.951.417.427	4.331.529.180
Thuế, phí và lệ phí	5.214.528.484	2.767.275.026
Chi phí dự phòng	175.312.844	178.279.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.378.282.188	8.304.190.669
Chi phí bằng tiền khác	15.290.001.759	12.039.241.525
Phân bổ lợi thế thương mại	4.296.041.565	4.296.041.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	14.368.969.635	14.728.276.235
Chi phí nhân viên	5.387.435.658	3.286.892.038
Chi phí vật liệu, bao bì	145.393.291	483.312.114
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	509.326.584	630.245.676
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.019.408	7.665.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.016.266.163	5.484.477.664
Chi phí bằng tiền khác	4.278.528.531	4.835.683.463
Cộng	89.280.463.719	81.053.665.089

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính	9.238.977.467	7.153.373.325
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.238.977.467	7.153.373.325

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(69.031.274.312)	28.906.269.162
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(69.031.274.312)	28.906.269.162
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	12.692.680.195
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.722.160	182.859.505
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(350,91)	88,67

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BB-HDQT ngày 08/01/2019 của Công ty. Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhập gốc	4.370.849.434	5.001.291.294
Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	171.213.000.000	-
Chuyển nợ thành vốn góp vào Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	1.520.000.000	-
Tăng vốn góp chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.000.000.000	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1.714.058.610.504	1.005.971.122.084
--	-------------------	-------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	1.288.608.384.170	966.975.012.326
---	-------------------	-----------------

VIII. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 07/01/2020, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, theo đó vốn điều lệ của Công ty được đăng ký mới là 2.109.000.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 31/12/2019, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ đăng ký mới này. Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu trên, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh
 Công ty CP Trường Thịnh 5
 Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh
 Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan
 Ông Võ Minh Hoài
 Bà Võ Thị Lan Anh
 Bà Nguyễn Bảo Ngọc
 Ông Võ Hoàng Anh
 Bà Võ Thị Phương Anh
 Bà Nguyễn Thị Loan

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 Con Chủ tịch HĐQT
 Phó Tổng giám đốc
 Tổng giám đốc
 Con Chủ tịch HĐQT
 Vợ Chủ tịch HĐQT

Trong năm Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng	187.320.408.889	81.167.528.521
Công ty CP Trường Thịnh 5	62.456.327.818	30.432.299.687
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	83.150.402.980	50.570.715.708
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	41.713.678.091	164.513.126
Mua hàng	185.220.654.414	241.884.109.706
Công ty CP Trường Thịnh 5	142.772.353.252	138.617.682.409
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	42.448.301.162	103.266.427.297

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Sổ dư các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải thu	132.334.506.178	206.924.914.294
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	43.617.029.384	28.575.035.221
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	-	3.416.218.975
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	38.825.624.687	8.925.873.818
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	15.396.060	8.733.357.000
Công ty CP Trường Thịnh 5	4.776.008.637	7.499.585.428
<i>Phải thu khách hàng dài hạn</i>	-	50.567.470.869
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	-	50.567.470.869
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	-	55.118.949.160
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	-	55.118.949.160
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>	111.966.925	23.355.053.109
Công ty CP Trường Thịnh 5	-	1.972.817.511
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường Thịnh	5.615.400	304.193.894
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	6.351.525	20.978.041.704
<i>Phải thu khác dài hạn</i>	291.222.608	291.222.608
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	291.222.608	291.222.608
<i>Tạm ứng</i>	88.314.287.261	49.017.183.327
Ông Võ Minh Hoài	50.483.500.557	6.440.082.846
Ông Võ Hoàng Anh	11.254.798.930	22.663.587.847
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	26.325.750.039	17.823.560.000
Bà Nguyễn Thị Loan	250.237.735	1.530.605.173
Bà Võ Thị Phương Anh	-	559.347.461
Các khoản phải trả	574.158.024.347	389.144.370.607
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>	91.469.595.728	52.387.409.945
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường thịnh	55.599.930.324	25.093.961.945
Công ty CP Trường Thịnh 5	35.869.665.404	27.293.448.000
<i>Phải trả cho người bán dài hạn</i>	117.224.607.000	80.517.450.617
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trường thịnh	-	40.741.564.512
Công ty CP Trường Thịnh 5	117.224.607.000	39.775.886.105
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	23.364.251.014
Công ty CP Trường Thịnh 5	-	23.364.251.014
<i>Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	100.877.248.893	197.609.960.700
Công ty TNHH Đầu tư BT Cam lộ - Túy Loan	18.466.444.000	95.398.960.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	49.462.739.000	102.211.000.000
Công ty CP Trường Thịnh 5	32.948.065.893	-
Phải trả ngắn hạn khác	43.964.300.403	30.265.298.331
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	-	4.617.699.750
Công ty CP Trường Thịnh 5	3.058.944.810	3.058.944.810
Ông Võ Minh Hoài	-	57.103.546
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	39.562.366.200	22.311.550.225
Ông Võ Hoàng Anh	227.286.000	220.000.000
Bà Võ Thị Phương Anh	1.115.703.393	-
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Võ Thị Phương Anh	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	215.622.272.323	-
Ông Võ Minh Hoài	14.695.000.000	-
Bà Nguyễn Bảo Ngọc	8.628.005.000	-
Ông Võ Hoàng Anh	2.224.107.375	-
Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh	190.075.159.948	-

Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	859.767.579	1.352.851.671
Cộng	859.767.579	1.352.851.671

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Quảng Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRƯỜNG THỊNH

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Phan Thị Hiền



Nguyễn Mạnh Hải



Nguyễn Bảo Ngọc